TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỌ XUÂN** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 260/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 12 - 10 - 2023
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỌ XUÂN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Tiến

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Đăng Thiện

2. Ông Nguyễn Văn Sâm

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Nguyễn Văn Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên toà:* Bà Trần Thị Tỉnh - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 10 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân; Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 181/2023/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2023 về "ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 25/2023/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 9 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị C, sinh năm 1985, địa chỉ: Thôn E, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Lê Trọng V, sinh năm 1984, địa chỉ: Thôn Đ, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Vắng mặt (Vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 09 tháng 5 năm 2023, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh V tự nguyện tìm hiểu, yêu thương lấy

nhau, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương và đăng ký kết hôn tại UBND xã T (nay là xã X) vào ngày 24/3/2006. Sau khi kết hôn vợ chồng vào trong Bình Dương làm ăn, nhưng chung sống với nhau không có hạnh phúc, mà đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, do vợ chồng bất đồng trong sinh hoạt gia đình, anh V không tu chí làm ăn, mà chơi bời, cờ bạc dẫn đến nợ nần, gia đình đã phải lo toan trả nợ thay cho anh V nhiều lần, nhưng anh V không thay đổi, vẫn ham mê cờ bạc, nợ nần, vợ chồng có nói chuyện khuyên bảo thì anh V còn bới chửi, xúc phạm, đánh đập chị. Do cuộc sống hôn nhân ngày càng bế tắc, không thể chịu đựng được nữa, nên từ đầu năm 2022 chị đã về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng ly thân cho đến nay. Nay chị xác định không còn tình cảm vợ chồng, nên chị đề nghị giải quyết cho chị được ly hôn.

Về con chung: Chị C xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Lê Trọng K, sinh ngày 06/4/2007 và cháu Lê Trọng H, sinh ngày 08/3/2018; các con đều đang ở với chị. Ly hôn, nguyện vọng của chị là xin được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung; chị không yêu cầu anh V phải cấp dưỡng. Tại phiên tòa chị C trình bày hiện tại chị đang làm công nhân tại Công ty TNHH C1 với thu nhập hàng tháng là 6.500.000đ/tháng, chị C khẳng định có đủ điều kiện kinh tế để nuôi con.

Về tài sản và công nợ: Chị C xác định vợ chồng không có gì, nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 21/7/2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Lê Trọng V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị C lấy nhau qua tìm hiểu trên cơ sở tự nguyện, có cưới hỏi và đăng ký kết hôn theo quy định tại UBND xã T (nay là xã X) vào ngày 24/3/2006. Qúa trình chung sống vợ chồng đi làm ăn trong Bình Dương, chung sống với nhau hòa thuận, đến đầu năm 2022 thì chị C và các con về quê sinh sống trước, còn anh ở lại làm ăn, đến tháng 6/2023 anh về quê sinh sống cùng, thì vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn do chị C lạnh nhạt với anh, không cho anh thân thiết gần gủi với vợ con, sau đó thì chị C tự ý gửi đơn ra Tòa đòi ly hôn. Nay anh xác định vẫn đang còn tình cảm vợ chồng, nên anh không đồng ý ly hôn, mong muốn được hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Về con chung: Anh V xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Lê Trọng K, sinh ngày 06/4/2007 và cháu Lê Trọng H, sinh ngày 08/3/2018. Quan điểm anh V là nếu Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn, thì giải quyết cho mỗi người được nuôi một con chung; hai bên không ai phải cấp dưỡng.

Về tài sản và công nợ: Anh V xác định vợ chồng không có gì, nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 03/8/2023 cháu Lê Trọng K có lời khai thể hiện nguyện vọng xin được ở với mẹ (chị C), nếu Tòa án giải quyết ly hôn.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến, như sau:

I. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

1. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Thẩm phán đã thực hiện cơ bản đúng theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên

còn có vi phạm trong việc giao Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho Viện kiểm sát chậm 03 ngày, đã vi phạm khoản 2 Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Xét thấy vi phạm đó không làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quá trình giải quyết vụ án, Viện kiểm sát sẽ tổng hợp kiến nghị chung.

2. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa: Đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

3. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

- Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Bị đơn thực hiện chưa đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, quá trình giải quyết vụ án không có mặt theo triệu tập để tham gia phiên hòa giải lần 2 ngày 22/8/2023 và phiên tòa, là thực hiện chưa đầy đủ Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, xét thấy việc vi phạm đó không làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quá trình giải quyết vụ án.

II. Về quan điểm giải quyết vụ án: Sau khi phân tích nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 271 khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị C. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử:

- Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị C được ly hôn với anh Lê Trọng V.

- Về con chung: Giao 01 con chung là cháu Lê Trọng H, sinh ngày 08/3/2018 cho chị Nguyễn Thị C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; giao 01 con chung là cháu Lê Trọng K, sinh ngày 06/4/2007 cho anh Lê Trọng V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Hai bên không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hai bên có quyền, nghĩa vụ thăm nom, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên miễn xét.

- Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc chị Nguyễn Thị C phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị C khởi kiện đề nghị giải quyết xin được ly hôn với anh Lê Trọng V, cư trú tại: Thôn Đ, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Căn cứ

vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân.

Qúa trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ, nên Viện kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân tham gia phiên tòa là đúng với quy định tại Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn là anh Lê Trọng V đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị C và anh Lê Trọng V là hôn nhân hợp pháp, anh chị tự nguyện kết hôn, đã được Ủy ban nhân dân xã T (nay là xã X) cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 24/3/2006. Sau khi kết hôn vợ chồng đi làm văn và chung sống với nhau trong tỉnh Bình Dương, tuy nhiên cuộc sống hôn nhân giữa vợ chồng không có hạnh phúc, mà đã thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã và xúc phạm nhau, do bất đồng quan điểm, giữa vợ chồng không có sự tin tưởng, tôn trọng và chia sẻ với nhau trong gia đình. Từ đầu năm 2022 vợ chồng đã sống ly thân cho đến nay. Qúa trình giải quyết vụ án, chị C một mực đề nghị Tòa án giải quyết xin được ly hôn; anh V thì có ý kiến thể hiện không đồng ý ly hôn, mong muốn được hàn gắn tình cảm vợ chồng, nhưng nhiều lần vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, vắng mặt tại các phiên tòa không có lý do, điều đó thể hiện anh V cũng không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử thấy rằng: Quan hệ hôn nhân giữa chị C và anh V đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu giải quyết ly hôn của chị C, xử cho chị Nguyễn Thị C được ly hôn với anh Lê Trọng V.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị C và anh Lê Trọng V có 02 con chung là cháu Lê Trọng K, sinh ngày 06/4/2007 và cháu Lê Trọng H, sinh ngày 08/3/2018.

Xét nguyện vọng xin được nuôi con chung của chị C và anh V, thấy rằng: Thực tế hiện nay cả 02 con chung là cháu K và cháu H đều đang ở với chị C từ sau khi vợ chồng ly thân năm 2022 cho đến nay, đã được chị C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng tốt. Quá trình giải quyết vụ án, chị C đã chứng minh được mình có đủ các điều kiện để nuôi con, trong khi anh V không cung cấp tài liệu chứng minh về kiều kiện để được trực tiếp nuôi con; con chung trên 7 tuổi là cháu K có lời khai thể hiện nguyện vọng xin được ở với mẹ (chị C); bên canh đó việc anh V vắng mặt tại các phiên tòa không có lý do, điều đó thể hiện anh V cũng không tha thiết trong việc xin được trực tiếp nuôi con. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con cần thiết giao cả 02 con chung là cháu Lê Trọng K và cháu Lê Trọng H cho chị C được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, như vậy là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị C không yêu cầu anh V phải cấp dưỡng nuôi con chung, xét đây là sự tự nguyện của chị C và phù hợp với quy định của pháp luật, nên được chấp nhận. Do đo, anh V không phải cấp dưỡng

nuôi con chung.

[4] Về tài sản và công nợ: Chị Nguyễn Thị C và anh Lê Trọng V đều có ý kiến không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị C phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Vê quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị C được ly hôn với anh Lê Trọng V.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị C và anh Lê Trọng V có 02 (hai) con chung là Lê Trọng K, sinh ngày 06/4/2007 và Lê Trọng H, sinh ngày 08/3/2018.

Giao 02 con chung là Lê Trọng K và Lê Trọng H cho chị Nguyễn Thị C được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; Anh Lê Trọng V không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Lê Trọng V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản và công nợ: Không xem xét.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị C phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị C đã nộp, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0016241 ngày 05/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thọ Xuân. Như vậy, chị Nguyễn Thị C đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời

hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Thọ Xuân;
- Chi cục THADS huyện Thọ Xuân;
- P. kiểm tra nghệp vụ và THA, TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- UBND xã Xuân Hồng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Minh Tiến